

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 02 - 02 - 2021
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn T.

2. Bà Diệp Thị T.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLST-DS ngày 23/10/2020 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2020/QĐXX-DS ngày 24/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 (Chủ doanh nghiệp tư nhân C).

Địa chỉ: số 4972, ấp Phụng Quới B, thị trấn T, huyện V, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B là: ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp B2, xã Thạnh Lợi, huyện V, thành phố C. (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020).

2. Bị đơn: - Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

- Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 15/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (do ông Đặng Ngọc H, đại diện theo ủy quyền) trình bày: vào khoảng năm 2007, ông Lê Văn Đ và bà Phan Thị Thu H nhiều lần đến mua phân bón và thuốc trừ sâu của bà Nguyễn Thị B (Chủ doanh nghiệp tư nhân C) để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hình thức mua bán là khách hàng mua hàng trước, sau đó đến vụ thu hoạch lúa mới trả tiền. Sau nhiều lần mua phân bón và thuốc trừ sâu thì ông Đ và bà H có trả và cũng còn nợ lại. Bà B đã nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ cho bà B nhưng ông Đ và bà H hứa hẹn mà không thực hiện. Đến ngày 24/8/2020, bà B với ông Đ, bà H đối chiếu nợ. Theo đó, ông Đ và bà H ký Giấy xác nhận nợ bà B số tiền 60.235.999 đồng.

Trước đây, tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Đ và bà H liên đới trả số tiền mua vật tư nông nghiệp là 60.373.103 đồng nhưng do số tiền này không được ông Đ và bà H ký xác nhận. Vì vậy, bà B căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ ngày 24/8/2020, chỉ yêu cầu ông Đ và bà H liên đới trả số tiền 60.235.999 đồng; rút lại yêu cầu ông Đ, bà H trả số tiền 137.104 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Phan Thị Thu H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H có địa chỉ tại xã V, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, ông Đ và bà H đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ, bà H.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 60.373.103 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ và bà H trả số tiền 60.235.999 đồng căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ lập ngày 24/8/2020 do ông Đ và bà H ký.

[4] Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông Đ và bà H thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu nợ. Ông Đ và bà H trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nêu trên, nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng

không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với số nợ 60.235.999 đồng.

[4.1] Xét thấy, ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H mua phân bón, thuốc trừ sâu của bà Nguyễn Thị B và ký giấy xác nhận công nợ ngày 24/8/2020 còn nợ tổng số tiền 60.235.999 đồng. Mặc dù bà B nhiều lần đến yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà H không trả cho bà B khoản tiền nào.

[4.2] Như vậy, hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa bà Nguyễn Thị B với ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H thực tế có xảy ra, được giao kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Bà B yêu cầu ông Đ, bà H liên đới trả số tiền 60.235.999 đồng theo Giấy xác nhận công nợ do ông Đ, bà H ký ngày 24/8/2020 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 60.235.999 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà B yêu cầu ông Đ và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 60.373.103 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.235.999 đồng theo Giấy xác nhận công nợ ngày 24/8/2020; rút lại yêu cầu ông Đ, bà H trả số tiền 137.104 đồng ($60.373.103 - 60.235.999 = 137.104$ đồng). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 137.104 đồng.

[5] Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét lãi suất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bị buộc phải trả số tiền nêu trên nên ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

1.1. Buộc ông Lê Văn Đ, bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 60.235.999 đồng (sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ , bà Phan Thị Thu H trả số tiền 137.104 đồng (một trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm lẻ bốn đồng).

1.3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Văn Đ , bà Phan Thị Thu H phải chịu chung 3.011.800 đồng (ba triệu, không trăm mười một nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.509.325 đồng (một triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007953, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H